

Bản án số: 77/2019/DS-ST

Ngày: 04-7-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Đức Tâm.

2. Ông Phạm Thành Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số 33/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Yến L**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Nguyễn Tấn C, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Kim N**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Anh K ủy quyền cho chị N theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2019)

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh C, chị N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 01 năm 2019, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yến L, người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Yến L là anh Nguyễn Tấn C trình bày:

Ngày 06/6/2016, chị L có cho vợ chồng chị N, anh K vay số tiền 30.000.000 đồng để vợ chồng chị N, anh K trả tiền vay Ngân hàng, không thỏa thuận lãi suất và chị L cũng không nhận khoản tiền lãi nào. Khi vay, chị N có viết giấy viết tay và có ký tên, ghi họ tên. Hai bên có thỏa thuận vợ chồng chị N, anh K sẽ trả hết cho chị L số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 30/6/2016 nhưng đến nay không trả nên chị L khởi kiện yêu cầu chị N và anh K có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền nợ vay gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/7/2016 đến ngày 21/01/2019 (trước ngày làm đơn khởi kiện), tính ra số tiền là 7.675.000 đồng nhưng chị L chỉ yêu cầu trả 7.000.000 đồng. Tổng cộng chị L yêu cầu chị N, anh K liên đới trả 37.000.000 đồng.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng chị N và anh K vay của chị vào ngày 04/6/2017 âm lịch thì chị N và anh K đã trả xong nên chị không khởi kiện.

Chị L không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết, chữ số, không yêu cầu thu thập chứng cứ gì thêm, không yêu cầu triệu tập người làm chứng hoặc đưa thêm người tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất và tại phiên tòa, chị Nguyễn Kim N là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Văn K trình bày:

Chị và anh K là vợ chồng hợp pháp. Từ trước đến nay cùng làm ăn chung và sống chung với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị trình bày: Trước đây, chị và anh K có vay tiền ngân hàng để có vốn làm ăn. Thời gian làm ăn thua lỗ, thất thoát nên không có tiền trả nợ ngân hàng, vợ chồng chị vay của chị L số tiền 20.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, ngày vay là ngày 04/6/2017 âm lịch, chị và anh K có ký tên và ghi họ tên. Chị đã trả tiền lãi cho chị L mỗi tháng 700.000 đồng từ tháng 7/2017 cho đến tháng 7/2019 nhưng khi trả lãi không làm giấy tờ, không yêu cầu tính lãi lại. Chị và anh K đồng ý trả cho chị N số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 04/6/2017 âm lịch, không đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng theo giấy ghi vay ngày 30/6/2016 và xin không trả tiền lãi. Chữ viết, chữ ký và chữ ghi họ tên trên giấy viết tay mượn tiền đề ngày 06/6/2016 nội dung: “Em N có mượn 30.000.000đ 30 – 6 trả lại ba chục triệu chẵn” do chị L cung cấp không phải là chữ viết, chữ ký của chị.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị thừa nhận giấy viết tay mượn tiền đề ngày 06/6/2016 nội dung: “Em N có mượn 30.000.000đ 30 – 6 trả lại ba chục triệu chẵn” do chị L cung cấp là do chị viết và ký tên, mục đích vay để lo

kinh tế gia đình chung của chị và anh K nên chị và anh K đồng ý liên đới trả cho chị L 30.000.000 đồng tiền gốc và 7.000.000 đồng tiền lãi nhưng trả thành hai lần, thời gian trả là sáu tháng sẽ trả trước 30.000.000 đồng, còn 7.000.000 đồng sẽ thỏa thuận thời gian trả sau.

Chị và anh K không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết, chữ số, không yêu cầu thu thập chứng cứ gì thêm, không yêu cầu triệu tập người làm chứng hoặc đưa thêm người tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Yến L về việc yêu cầu chị Nguyễn Kim N và anh Nguyễn Văn K trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng và trả lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Yến L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Nguyễn Kim N, anh Nguyễn Văn K. Chị N, anh K có nơi cư trú tại ấp 2, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, các đương sự không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết, chữ số, không có yêu cầu thu thập chứng cứ gì thêm, không yêu cầu đưa thêm người khác vào tham gia tố tụng trong vụ án, không yêu cầu triệu tập người làm chứng.

[2] Về nội dung:

Chị L khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Kim N và anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng và 7.000.000 đồng tiền lãi.

Chứng cứ để chị L khởi kiện là giấy viết tay đề ngày 06/6/2016 nội dung: “Em N có mượn 30.000.000đ 30 – 6 trả lại ba chục triệu chẵn”, bên dưới có ký tên “N”.

Tại phiên tòa, chị N thừa nhận chị và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng hợp pháp, chị là người viết và ký vào giấy viết tay do chị L cung cấp vay số tiền 30.000.000 đồng của chị L, mục đích vay để lo kinh tế gia đình chung của chị và anh K nên chị và anh K đồng ý liên đới trả số tiền vay, tiền lãi cho chị L tổng cộng là 37.000.000 đồng. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị L yêu cầu trả một lần số tiền nêu trên vào ngày 20/7/2019. Chị N cho rằng hiện tại hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên sáu tháng nữa chị sẽ trả 30.000.000 đồng, còn 7.000.000 tiền lãi sẽ thỏa thuận thời gian trả sau. Tuy N, anh C là người đại diện theo ủy quyền của chị L cho rằng chị L không đồng ý theo cách thức trả tiền của chị N nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau, chị N cũng thừa nhận chị và anh K có vay của chị L 30.000.000 đồng nhưng không trả đúng hạn và Nêu lần chị L yêu cầu trả nhưng không trả được, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc chị N và anh K có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng.

Về lãi suất:

Chị L cho rằng chị và chị N, anh K không có thỏa thuận lãi suất, chị cũng không nhận khoản tiền lãi nào. Chị N cho rằng khi vay tiền, chị, anh K và chị L có thỏa thuận lãi suất là 700.000 đồng/tháng, đã trả lãi thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 7/2019 nhưng không có chứng cứ chứng minh, không yêu cầu tính lãi lại.

Thời gian trả tiền ghi trong giấy viết tay là ngày 30/6/2016 nhưng đến hạn chị N và anh K không thực hiện trả. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày tiếp theo là ngày 01/7/2017 là đúng quy định pháp luật. Số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là 7.000.000 đồng, chị N, anh K cũng đồng ý trả nhưng không thỏa thuận được cách thức trả nên cần buộc chị N và anh K liên đới trả số tiền lãi là 7.000.000 đồng.

Như vậy, chị N và anh K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L tổng cộng là 37.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị N, anh K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.850.000 đồng ($37.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.850.000 \text{ đồng}$).

Trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000 đồng theo biên lai thu số 0000203 ngày 13 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Yến L.

Buộc chị Nguyễn Kim N và anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Yến L số tiền là 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng), trong đó có 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Kim N và anh Nguyễn Văn K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Yến L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000đ (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000203 ngày 13 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

